

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung Đ1 - Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Thị trấn Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân T2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Q, có mặt.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q;

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân A1 - Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Tổ dân phố V2, thị trấn Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K - Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số 105 đường H2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H3, Phó giám đốc, có đơn xin xử vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân xã V1, huyện Q.

Đại diện theo pháp luật. Ông Đỗ M - Chức vụ: Chủ tịch. Địa chỉ: thôn V3, xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Q.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn L3 - Chức vụ: Chủ tịch. Địa chỉ: xã H1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K, sinh năm 1953; địa chỉ: xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/8/2023, biên bản đối thoại và tại phiên tòa ông Nguyễn Thế Th, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ngày 06/12/2019, ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A được ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K tặng cho quyền sử dụng tại các thửa đất: Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 28, diện tích 34.016,0m², địa chỉ: thôn L, xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ phát hành BĐ 576499. Tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất lập ngày 06/12/2019 tại Văn phòng công chứng K1, tỉnh Quảng Bình, số công chứng 3459, quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất số 09, tờ bản đồ K4, diện tích 6.200,0m², địa chỉ: xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành S 783136, ngày 26/12/2007 cho người sử dụng đất là ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K. Tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất lập ngày 06/12/2019, tại Văn phòng công chứng K1, tỉnh Quảng Bình, số công chứng

3460, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó vợ, chồng ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A vay mượn số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để vào ngày 09/01/2020 tiếp tục nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất từ ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K, đối với các thửa đất sau:

Thửa đất số 85, tờ bản đồ 29, diện tích 35.137,0m² tại địa chỉ xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành BĐ 576498, ngày 07/4/2011 cho người sử dụng đất là ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K. Giá trị chuyển nhượng của thửa đất là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất được lập ngày 09/01/2020, tại Văn phòng công chứng K1, tỉnh Quảng Bình, số công chứng 97, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.

Thửa số 199, tờ bản đồ 01, diện tích 3.000m² tại địa chỉ xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành K 158063. Giá trị chuyển nhượng của thửa đất là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất được lập ngày 09/01/2020, tại Văn phòng công chứng K1, tỉnh Quảng Bình, số công chứng 96, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 09/01/2020, ông T và bà Quỳnh A mang toàn bộ các hồ sơ nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất như trên nộp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q để đề nghị thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mãi đến cuối tháng 8/2020, ông T và bà Quỳnh A mới nhận được văn bản số 113/CNVPĐK ngày 24/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký.

Về mặt pháp lý các bên nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng cả hai bên đều đủ điều kiện chuyển nhượng vì ông T1, bà K đã được cấp giấy CNQSD đất, theo quy định tại Điều 179 Luật đất đai năm 2013. Tại thời điểm chuyển nhượng còn hiệu lực, nên ông T1, bà K được quyền chuyển nhượng cho người khác; Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 ông T, bà A không thuộc vào bất kỳ trường hợp nào, không thuộc trường hợp không được cấp Giấy CNQSD đất theo quy định. Mặt khác theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013, ông T, bà A là đối tượng được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Như vậy, cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều đủ điều kiện để thực hiện việc chuyển nhượng. Việc UBND huyện Q ban hành văn bản số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020 và việc Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Q căn cứ vào đó để từ chối cấp Giấy CNQSDĐ là trái với các quy định pháp luật. Trong văn bản số 113/CNVPĐK ngày 24/8/2020 Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Q hoàn toàn không nêu ra được bất kỳ một căn cứ nào để làm cơ sở cho việc từ chối cấp giấy CNQSD đất cho ông T, bà A. Trong văn

bản số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020 cho rằng diện tích đất của ông T1, bà K vượt quá hạn mức, nhưng giấy CNQSD đất của ông T1, bà K đã được UBND huyện Q cấp cho ông T1, bà K; chưa có kết luận rõ ràng đã đưa ra; Theo quy định Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Q là chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do UBND tỉnh thành lập. Nên việc tiếp nhận hay từ chối nhiệm vụ của các Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ là phải căn cứ theo quy định về đất đai, chứ không thể căn cứ vào văn bản của một cơ quan không phải là cơ quan quản lý của Chi nhánh VPĐK đất đai.

UBND huyện Q cho rằng vụ việc này có liên quan đến ông T1, bà K: Xét về nguồn gốc thửa đất thì ông T1, bà K khai hoang khoảng từ những năm 1980, tại thời điểm đó, các quy định pháp luật về đất đai không quy định hạn mức đối với người sử dụng đất Điều 1 Luật đất đai sửa đổi, bổ sung năm 1988. Đến 1989 mới có quy định hạn mức. Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999. Căn cứ vào các quy định pháp luật tại thời điểm ông T1, bà K khai hoang, canh tác trên phần đất chưa sử dụng này thì hoàn toàn không có việc quy định hạn mức đối với phần diện tích ông bà được cấp và đã tặng cho ông T, bà A. Phần diện tích đất của ông T1, bà K chuyển nhượng cho ông T, bà A nằm trong hạn mức đất được cấp.

Yêu cầu Tòa án hủy văn bản số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020 của UBND huyện Q về việc “xử lý những trường hợp thực hiện chuyển quyền đối với đất nông nghiệp đã giao trước đây có phần diện tích vượt hạn mức”. Buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND huyện Q tại văn bản số 954/UBND-TNMT ngày 17/8/2023 có ý kiến:

Về hồ sơ: Tháng 12/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q tiếp nhận 04 hồ sơ của ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K thực hiện thủ tục tặng cho và thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng sản xuất cho ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A, thửa đất tại xã V1. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q nhận thấy liên quan đến các thửa đất rừng sản xuất mà ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K đang thực hiện thủ tục chuyển quyền. UBND huyện Q đã làm việc và có văn bản hỏi ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đề nghị hướng dẫn giải quyết các trường hợp giao đất, cấp Giấy chứng nhận đất nông nghiệp vượt hạn mức theo Công văn số 752/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện Q, nên ngày 12/12/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện đã có Công văn số 131/CNVPĐK gửi UBND huyện và Phòng TN-MT huyện xin ý kiến giải quyết các trường hợp chuyển quyền sử dụng đất nông

nghiệp vượt hạn mức đã được giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 28/12/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã có Công văn số 1018/TNMT hướng dẫn xử lý những trường hợp thực hiện chuyển quyền đối với đất nông nghiệp đã giao trước đây có phần diện tích vượt hạn mức, cụ thể: “Đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai rà soát đất đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại để xác định đã cấp Giấy chứng nhận cho ông Lê Văn T1 hay chưa? Dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động để xác định diện tích vượt hạn mức chuyển sang thuê đất. Làm việc cụ thể với hộ gia đình ông Lê Văn T1 để lựa chọn vị trí, diện tích chuyển sang thuê đất, cung cấp thông tin để Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất trước khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất”.

Ngày 06/01/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện đã có văn bản số 03/CNVPĐK gửi ông Lê Văn T1 thông báo tình trạng giải quyết hồ sơ và đề nghị ông phối hợp thực hiện các nội dung theo hướng dẫn của Phòng Tài nguyên và Môi trường. Ngày 29/6/2020, sau khi rà soát các nội dung liên quan đến hồ sơ của ông Lê Văn T1, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện tiếp tục có Công văn số 83/CNVPĐK xin ý kiến UBND huyện Q để giải quyết hồ sơ của hộ ông, bà Lê Văn T1, Trần Thị K ở xã V1. Ngày 17/8/2020, UBND huyện đã có Công văn số 713/UBND-TNMT có nội dung: Diện tích đất nông nghiệp của ông Lê Văn T1 đã thu hồi, bồi thường từ dự án hồ chứa nước TT và diện tích đã chuyển quyền cho người khác trước đây đã vượt hạn mức giao đất nông nghiệp. UBND huyện yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất nông nghiệp từ ông Lê Văn T1 sang người khác, để xác định rõ diện tích ông Lê Văn T1 được giao đất vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất. Ngày 24/8/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q đã có Công văn số 113/CNVPĐK để thông báo dừng thủ tục chuyển quyền sử dụng đất rừng sản xuất từ ông Lê Văn T1 sang ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A, đồng thời thông báo cho các bên liên quan được biết, đến nhận lại hồ sơ theo quy định.

Về ý kiến: Theo Báo cáo số 35/BC-CNVPĐK ngày 11/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q thì ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K có 90,3 ha đất rừng sản xuất, trong đó: đã xác định được đất có nguồn gốc Nhà nước giao đất là 48,1 ha (đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 41,8 ha, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 6,3 ha); chưa xác định được nguồn gốc thửa đất là 42,2 ha (đã cấp giấy chứng nhận sử dụng đất 19,4 ha, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 22,8 ha).

Năm 2004 và năm 2009, ông Lê Văn T1 đã chuyển quyền cho ông Nguyễn Toàn Th1, bà Võ Thị Diệu H2, công ty L4 với 10,3 ha và năm 2012 Nhà nước đã thu hồi đất (công trình hồ TT) 5,9 ha. Như vậy, tại thời điểm ngày

01/7/2014: ông Lê Văn T1 đã không còn sử dụng 16,2ha đất rừng sản xuất do đã chuyển quyền và thu hồi đất. Diện tích đất rừng sản xuất còn lại ông Lê Văn T1 đang sử dụng là 31,9 ha. Do ông Lê Văn T1 đã được giao nhiều loại đất gồm đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác (tại xã V1: ông Lê Văn T1 được giao đất trồng lúa 4.995 m², đất trồng cây hàng năm khác 900m² theo Nghị định 64/CP) nên hạn mức giao đất rừng sản xuất của ông, bà Lê Văn T1, Trần Thị K không quá 25 ha theo quy định tại khoản 4 Điều 129 của Luật Đất đai năm 2013. Tính tới ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2013 (ngày 01/7/2014). ông Lê Văn T1 đang sử dụng diện tích đất rừng sản xuất được Nhà nước giao đất là 31,9 ha, trong đó hạn mức giao đất quy định là 25 ha, đã vượt hạn mức giao đất 6,9 ha. Tuy nhiên sau khi Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực, ông Lê Văn T1 tiếp tục thực hiện chuyển quyền 20,6 ha, cụ thể: tặng cho ông Lê Khánh T 13,5ha (năm 2015); chuyển nhượng cho ông Hoàng Minh Thắng 7,1 ha (năm 2018). Tính tới thời điểm ông Lê Văn T1 chuyển quyền cho ông Lê Khánh T năm 2019: ông Lê Văn T1 còn, đang sử dụng diện tích 11,3 ha, trong đó: 4,4 ha đất rừng sản xuất trong hạn mức giao đất 6,9ha đất rừng sản xuất đã vượt hạn mức. Ông Lê Văn T1 chuyển quyền cho ông Lê Khánh T tổng diện tích các thửa đất chuyển quyền 7,8 ha. Tính đến nay, ông Lê Văn T1 đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất và Nhà nước thu hồi đất (được cơ quan đăng ký đất đai ghi đăng ký vào sổ địa chính) là 16,2ha (theo Luật Đất đai năm 2003) và 20,6 ha (theo Luật Đất đai năm 2013). Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013: Khoản 1 Điều 179 thì Hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền chuyển nhượng, tặng cho đất nông nghiệp được Nhà nước giao trong hạn mức. Khoản 8 Điều 210: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng diện tích đất nông nghiệp được giao vượt hạn mức trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thì hành thì phải chuyển sang thuê đất theo quy định của Luật này; Điểm a Khoản 2 Điều 135: Đối với diện tích đất rừng sản xuất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng vượt hạn mức thì phải chuyển sang thuê đất, Điểm b Khoản 1 Điều 56: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức được giao quy định tại Điều 129; Khoản 2 Điều 60: Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp thuê đất theo quy định của Luật Đất đai 2013 đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành thì phải chuyển sang thuê đất kể từ ngày Luật này có hiệu lực thì hành và nộp tiền thuê đất. Do đó, ông Lê Văn T1 phải thực hiện thủ tục chuyển từ hình thức được Nhà nước giao đất không thu tiền dụng đất trước ngày 01/7/2014 sang hình thức Nhà nước cho thuê đất đối với diện tích đất rừng sản xuất sử dụng vượt hạn mức kể từ ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thì hành. Việc nộp tiền thuê đất được thực hiện theo quy định khoản 5 Điều I, điểm b khoản 1 Điều 2, Điều 4, khoản 3 Điều 31 của Nghị định 46/2014/NĐ-CP

ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính.

Về trình tự, thủ tục chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định của UBND tỉnh. Vì vậy, cần thiết phải thực hiện tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất rừng sản xuất của ông T1 để xác định diện tích, vị trí vượt hạn mức giao đất để thực hiện thủ tục chuyển hình thức sang thuê đất; đồng thời xem xét phần diện tích đã chuyển quyền có nằm trong diện tích vượt hạn mức không được phép chuyển quyền hay không.

Về quá trình thực hiện: Ông Lê Văn T1 không kê khai và nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục đăng ký biến động chuyển hình thức sử dụng đất sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành. Tại Công văn số 03/CNVPĐK ngày 06/01/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cũng đã đề nghị ông Lê Văn T1 phối hợp liệt kê tất cả các thửa đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được giao, công nhận (kể cả những thửa đất đã chuyển quyền) để có cơ sở tổng hợp, hướng dẫn thực hiện thủ tục nhưng không nhận được sự phối hợp từ ông Lê Văn T1 nên dẫn đến quá trình giải quyết kéo dài. Do đó, việc UBND huyện ban hành Công văn số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020 yêu cầu dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất để xác định rõ diện tích được giao đất vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất là có căn cứ pháp lý và đúng theo quy định pháp luật, tránh thất thu ngân sách Nhà nước. Sau khi xác định vị trí, diện tích chuyển sang hình thức thuê đất, phần diện tích còn lại trong đó có các thửa đất đã lập hợp đồng chuyển quyền cho ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A nếu đã xác định được không nằm trong diện tích đất phải chuyển sang hình thức thuê đất thì sẽ được tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển quyền theo đúng quy định. UBND huyện kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh bác đơn khởi kiện của ông, bà Lê Khánh T, Ngô Thị Quỳnh A.

Người bị kiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q tại văn bản số 243/CNVPĐK ngày 18/8/2023 có ý kiến:

Về căn cứ, lý do dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động: Căn cứ khoản 4, Điều 129; khoản 8, Điều 210 Luật Đất đai năm 2013 để xác định diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013 để xác định quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất. Căn cứ khoản 11 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Điều 11a Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 về việc từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Căn cứ Công văn số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020

của UBND huyện Q; Công văn số 1018/TNMT ngày 28/12/2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q, về việc tạm dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động của ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A.

Lý do: Trong hồ sơ địa chính lưu giữ tại Chi nhánh, ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K đã được UBND huyện Q giao 481.672m² đất rừng sản xuất (tương đương 48,1 ha). Năm 2004, ông Lê Văn T1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Toàn Th1 35.625m² đất rừng sản xuất. Năm 2004, ông Lê Văn T1 chuyển nhượng cho bà Võ Thị Diệu H2 4.500 m² đất rừng sản xuất. Năm 2009, ông Lê Văn T1 chuyển nhượng cho công ty L4 62.935m² đất rừng sản xuất. Năm 2012, ông Lê Văn T1 thu hồi, đền bù công trình hồ TT 59.577,3m² đất rừng sản xuất. Tổng diện tích đất đã chuyển quyền tính đến trước ngày 01/7/2014 (Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành) là 162.637,3m² tương đương 16,2 ha đất rừng sản xuất. Như vậy, ông Lê Văn T1 đã không còn sử dụng 16,2 ha đất rừng sản xuất do đã chuyển quyền và thu hồi. Diện tích đất rừng sản xuất còn lại ông Lê Văn T1 đang sử dụng tại thời điểm ngày 01/7/2014 là 31,9ha. Do ông T1 đã được giao nhiều loại đất gồm đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác nên hạn mức giao đất rừng sản xuất của ông T1 không quá 25 héc ta theo quy định tại khoản 4 Điều 129 Luật Đất đai. Vì vậy, tính đến thời điểm Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực ngày 01/7/2014, ông Lê Văn T1 đang sử dụng diện tích đất rừng sản xuất được giao là 31,9 ha, trong đó hạn mức giao đất quy định là 25 ha, đã vượt hạn mức 6,9 ha. Theo quy định tại Khoản 8, Điều 210 Luật Đất đai năm 2013: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng diện tích đất nông nghiệp được giao vượt hạn mức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì phải chuyển sang thuê đất theo quy định của Luật này.” Theo đó, diện tích 6,9ha vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất.

Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2014, ông T1 tiếp tục thực hiện chuyển quyền 206.287,7m² tương đương 20,6ha, cụ thể: Năm 2015, tặng cho ông Lê Khánh T 13.4692,7m²; Năm 2018, chuyển nhượng cho ông Hoàng Minh Thắng 71.295m² Nên tính tới thời điểm ông T1 chuyển quyền cho ông Lê Khánh T ngày 06/12/2019, ông Lê Văn T1 còn đang sử dụng diện tích 11,3ha, trong đó có 4,4ha đất rừng sản xuất theo hình thức giao đất, còn 6,9ha đất rừng sản xuất đã vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất. Tuy nhiên, ông Lê Văn T1 vẫn tiếp tục chuyển quyền cho ông Lê Khánh T tổng diện tích các thửa đất chuyển quyền là 78.353m² đất rừng sản xuất tương đương 7,8ha nhưng chỉ có 4,4ha đất rừng sản xuất trong hạn mức đất giao mà ông được phép chuyển quyền theo quy định tại Điều 179 Luật Đất đai năm 2013, còn 3,4ha đất rừng sản xuất đã vượt hạn mức. Vì vậy, cần thiết phải thực hiện tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất rừng sản xuất của ông T1 để xác định cụ thể 6,9ha vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất. Sau đó, phần diện tích còn lại trong đó có các thửa đất đã lập hợp đồng

chuyển quyền cho ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A nếu đã xác định được không nằm trong diện tích đất phải chuyển sang thuê đất thì sẽ được tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển quyền theo đúng quy định.

Về việc làm việc với gia đình ông Lê Văn T1, ông Lê Khánh T: Chi nhánh đã có văn bản số 03/CNVPĐK ngày 06/01/2020 gửi ông Lê Văn T1 và văn bản số 28/CNVPĐK ngày 12/3/2020 gửi bà Ngô Thị Quỳnh A thông báo tình trạng giải quyết hồ sơ và đề nghị các ông, bà phối hợp thực hiện các nội dung theo hướng dẫn của phòng Tài nguyên và Môi trường.

Mặt khác, đối chiếu quy định pháp luật về chức năng, nhiệm vụ được giao của chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, nhận thấy nội dung yêu cầu của UBND huyện Q về việc làm việc cụ thể với ông Lê Văn T1 để lựa chọn vị trí, diện tích chuyển sang thuê đất, hướng dẫn hộ lập hồ sơ để thuê đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai. Vì vậy, Chi nhánh đã báo cáo về hạn mức giao đất nông nghiệp, cung cấp toàn bộ hồ sơ và đề nghị UBND huyện chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền về giao đất, cho thuê đất thực hiện các nội dung yêu cầu của UBND huyện về hướng dẫn ông Lê Văn T1 lựa chọn vị trí, diện tích chuyển sang thuê đất, hướng dẫn hộ lập hồ sơ thuê đất phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình, do ông Nguyễn Trung H3 - Phó Giám đốc đại diện theo ủy quyền của Giám đốc trình bày ý kiến:

Trong các ngày 09/12/2019, ngày 09/01/2020, ngày 10/01/2020, bộ phận một cửa liên thông huyện Q tiếp nhận 04 hồ sơ của ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K thực hiện thủ tục tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng sản xuất cho ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A, thửa đất tại xã V1 và chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q để giải quyết theo quy định. Trong quá trình xử lý hồ sơ, sau khi rà soát hồ sơ địa chính, Chi nhánh Q nhận thấy các thửa đất rừng sản xuất mà ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K đang thực hiện chuyển quyền cho ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A thuộc trường hợp Nhà nước giao đất sản xuất nông nghiệp và cấp Giấy chứng nhận vượt quá hạn mức giao đất. Ngày 17/8/2020, UBND huyện Q đã có Công văn số 713/UBND TNMT hướng dẫn xử lý những trường hợp thực hiện chuyển quyền đối với đất nông nghiệp đã giao trước đây có phần diện tích vượt hạn mức. Theo đó UBND huyện Q yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q dừng việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất nông nghiệp từ ông Lê Văn T1 sang người khác, để xác định rõ diện tích ông Lê Văn T1 được giao đất vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất”. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện Q tại Công văn số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020. Ngày 24/8/2020 Chi nhánh Q đã có Công văn số 113/CNVPĐK gửi bà Ngô Thị Quỳnh A và ông Lê Khánh

T thông báo về việc dừng việc thực hiện đăng ký biến động và có Phiếu trả hồ sơ số 22/THS-CNVPĐK, ngày 28/02/2023 thông báo cho các bên liên quan được biết và nhận lại hồ sơ theo đúng quy định. Đối với yêu cầu dừng thực hiện thủ tục đăng ký biến động của người khởi kiện do có liên quan đến nội dung giao đất, cho thuê đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị K, trình bày:

Các thửa đất số 32, tờ bản đồ số 28, diện tích 34.016,0m²; thửa đất số 09, tờ bản đồ số K4, diện tích 6.200,0m²; thửa đất số 85, tờ bản đồ số 29, diện tích 35.137,02m² và thửa đất số 199, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.000,0m² ở xã V1, huyện Q đều được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K. Do đó, vợ chồng chúng tôi có quyền chuyển nhượng các thửa đất trên cho ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A. Việc chuyển nhượng giữa hai bên đã được Công chứng theo quy định, nên đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q không thực hiện thủ tục biến động quyền sử dụng các thửa đất trên sang tên ông T, bà A là trái với quy định của pháp luật. Vụ việc này không liên quan đến vợ chồng ông nữa, vì vợ chồng ông đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo các hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất cho ông T, bà A. Trong thời gian từ trước đến nay, vợ chồng chúng tôi chưa nhận được giấy mời của UBND huyện Q để làm việc về vấn đề hạn mức đất của vợ chồng chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thực hiện thủ tục đăng ký biến động QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông T, bà A theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của UBND xã H1, huyện Q. Tại xã H1 ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K được cấp giấy CNQSDĐ 04 thửa đất, tổng diện tích là 27.090,0m² (trong đó 200m² đất ở và 26.729,0m² đất rừng sản xuất).

Ý kiến của UBND xã V1. Diện tích đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác của ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K được giao 5.895,1m² (trong đó đất trồng lúa 4.994,6m², tại các thửa 353, 635, 651, 171, tờ bản đồ số 58; đất trồng cây hàng năm khác 900,5m², tại thửa đất số 962, tờ bản đồ số 58, đã được cấp giấy CNQSDĐ). Đất lâm nghiệp hộ gia đình ông T1, bà K thửa đất số 47, tờ bản đồ số 28, diện tích 69.311,0m² (theo bản đồ địa chính xã V1 năm 2022 là thửa đất số 47, có diện tích 66.856,4m²) chưa được cấp Giấy CNQSDĐ; thửa đất số 32, diện tích 34.016,0m² đã được cấp giấy CNQSDĐ vào ngày 07/4/2011; thửa đất số 79, tờ bản đồ số 29, diện tích 12.387,9m² và thửa đất số 85, diện tích 35.137,0m² đã được cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 07/4/2011; thửa đất số 336, diện tích

15.8742,0m² (theo bản đồ địa chính xã V1 là thửa đất 336, có diện tích 156.793,1m²) chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Ngoài ra, ông T1, bà K còn có thửa đất số 291, diện tích 194.270,0m² (theo bản đồ địa chính xã V1 năm 2022 hiện nay là thửa 648, diện tích 134.908,7m²) giảm diện tích do thu hồi giải phóng mặt bằng hồ TT. Tuy nhiên, đã tặng cho con trai là ông Lê Khánh T vào năm 2015.

Với nội dung vụ án như trên, ***Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã Quyết định:***

Căn cứ Điều 3, 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; các Điều 59, 66, 129, 166, 170, 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Thông tư số 33/2017TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A, về hủy văn bản số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020 của UBND huyện Q về việc “xử lý những trường hợp thực hiện chuyển quyền đối với đất nông nghiệp đã giao trước đây có phần diện tích vượt hạn mức” và buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 11/10/2023, ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A (Người khởi kiện) kháng cáo đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai

đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo người khởi kiện – ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện thì thấy:

[1]. Ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A nhận chuyển quyền sử dụng đất (bao gồm: chuyển nhượng và tặng cho) của ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K 04 thửa đất rừng sản xuất, diện tích 78.353m² (7,8353ha), cụ thể:

+ Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 28, diện tích 34.016,0m², địa chỉ: thôn L, xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ phát hành BD 576499;

+ Thửa đất số 09, tờ bản đồ K4, diện tích 6.200,0m², địa chỉ: xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành S 783136, ngày 26/12/2007;

+ Thửa đất số 85, tờ bản đồ 29, diện tích 35.137,0m² tại địa chỉ xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành BD 576498, ngày 07/4/2011;

+ Thửa số 199, tờ bản đồ 01, diện tích 3.000m² tại địa chỉ xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành K 158063.

[2]. Theo quy định tại Điều 70 Luật đất năm 2003 và Điều 129 Luật đất năm 2013 thì hộ ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K có thể được giao nhiều loại đất nông nghiệp để sản xuất nhưng không được vượt quá 30ha (300.000 m²), trong đó đất rừng sản xuất không quá 25ha (250.000 m²); trừ đất trồng, đồi núi trọc. Theo tại khoản 8 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng diện tích đất nông nghiệp được giao vượt hạn mức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì phải chuyển sang thuê đất theo quy định của Luật này*”. Theo Công văn số 243/CNVPĐK ngày 11/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q (bl 91-92) xác định: “*tính tới thời điểm Luật đất năm 2013 có hiệu lực ngày 01/7/2014, ông Lê Văn T1 đang sử dụng diện tích đất rừng sản xuất được giao là 31,9 ha, đã vượt hạn mức 6,9 ha*”;

[2.1]. Báo cáo số 35/BC-CNVPĐK ngày 11/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q (bl 104 -106) thì Diện tích đất nông nghiệp hộ ông Lê Văn T1, bà Trần Thị K đã được giao qua các thời kỳ trước khi có Luật đất

năm 2003 và sau khi Luật đất năm 2003 có hiệu lực ngày 01/7/2004 và Luật đất năm 2013 có hiệu lực ngày 01/7/2014, như sau:

Tại xã Vạn Ninh: ông Lê Văn T1 được giao 08 thửa đất trong đó có 03 thửa đất được giao là đất trồng, đồi núi trọc theo các Quyết định:

- + Quyết định số 172/QĐ/UB ngày 20/7/1996 của UBND huyện Q về việc “giao đất trồng, đồi núi trọc có thời hạn để sản xuất Lâm nghiệp, Nông Nghiệp và làm nhà ở lâu dài cho ông Lê văn Tuy diện tích 100.000 m²”; thửa đất này được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất số BĐ 576499 ngày 7/4/2011, diện tích 34.016m², nguồn gốc rừng tự trồng;

- + Quyết định số 43/QĐ/UB ngày 12/6/1995 của UBND huyện Q về việc “giao đất trồng, đồi núi trọc có thời hạn để sản xuất Lâm nghiệp, Nông Nghiệp và làm nhà ở lâu dài cho ông Lê văn Tuy diện tích 100.000 m²”; thửa đất này được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất số BĐ 576498 ngày 7/4/2011, diện tích 35.137m², nguồn gốc rừng tự trồng;

- + Quyết định số 93/QĐ/UB ngày 28/5/1993 của UBND huyện Q về việc “giao đất trồng, đồi núi trọc có thời hạn để sản xuất Lâm nghiệp, Nông Nghiệp và làm nhà ở lâu dài cho ông Lê văn Tuy diện tích 4.000 m²”; thửa đất này chưa tìm thấy hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất.

Tại xã H1: ông Lê Văn T1 được giao 02 thửa đất trong đó có 01 thửa đất được giao là đất trồng, đồi núi trọc theo Quyết định số 186/QĐ/UB ngày 31/12/1996 của UBND huyện Q về việc “giao đất trồng, đồi núi trọc có thời hạn để sản xuất Lâm nghiệp, Nông Nghiệp và làm nhà ở lâu dài cho ông Lê văn Tuy diện tích 9.900 m²”; thửa đất này được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất số H 755498 ngày 22/6/1999, diện tích 9.900m².

[3]. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q xác định tới thời điểm Luật đất năm 2013 có hiệu lực ngày 01/7/2014, ông Lê Văn T1 đang sử dụng diện tích đất rừng sản xuất được giao là 31,9 ha, nhưng lại không xác định trong 31,9 ha đất rừng sản xuất được giao có bao nhiêu diện tích được giao là đất trồng, đồi núi trọc đã được xác định tại Báo cáo số 35/BC-CNVPĐK ngày 11/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q đã trích dẫn tại mục [2.1] ở trên để trừ đi phần diện tích đất trồng, đồi núi trọc, nhưng lại từ chối làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất nông nghiệp từ hộ ông Lê Văn T1 cho ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A là không đúng quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Vì theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Luật đất đai 2003 (sau này là khoản 5 Điều 129 Luật đất đai năm 2013) thì diện tích đất trồng, đồi núi trọc không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 70 Luật đất đai 2003 và các khoản 1, 2 và 3 Điều 129 Luật đất đai năm 2013.

[3.1]. Văn bản số 243/CNVPĐK ngày 18/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q xác định: “... tính tới thời điểm ông T1 chuyển quyền cho ông Lê Khánh T ngày 06/12/2019, ông Lê Văn T1 còn đang sử dụng diện tích 11,3ha, trong đó có 4,4ha đất rừng sản xuất theo hình thức giao đất, còn 6,9ha đất rừng sản xuất đã vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất.

Tuy nhiên, ông Lê Văn T1 vẫn tiếp tục chuyển quyền cho ông Lê Khánh T tổng diện tích các thửa đất chuyển quyền là 78.353m² đất rừng sản xuất tương đương 7,8ha nhưng chỉ có 4,4ha đất rừng sản xuất trong hạn mức đất giao mà ông được phép chuyển quyền theo quy định tại Điều 179 Luật Đất đai năm 2013, còn 3,4ha đất rừng sản xuất đã vượt hạn mức.

Vì vậy, cần thiết phải thực hiện tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất rừng sản xuất của ông T1 để xác định cụ thể 6,9ha vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất” để tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất rừng sản xuất của ông T1 là không đúng; Bản án sơ thẩm nhận định: “Đến tại thời điểm ngày 06/12/2019 ông T1, bà K chuyển nhượng, tặng cho ông T, bà A tại 04 hợp đồng ông T1, bà K và ông T, bà A đã ký kết tại Văn Phòng Công chứng K1, tỉnh Quảng Bình, thì ông T1, bà K hạn mức sử dụng đất rừng sản xuất chỉ còn 4,4ha, nhưng không xác định được vị trí, thửa đất cụ thể ” để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A cũng không đúng vì: 04 thửa đất nêu trên các bên chuyển nhượng đều có Giấy CNQSD đất, thông tin về các thửa đất như: số thửa, tờ bản đồ, diện tích đều được xác định cụ thể trong Giấy CNQSD đất. Nếu còn hạn mức 4,4ha thì ông T1, bà K vẫn còn được chuyển nhượng 03 thửa đất sau:

+ Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 28, diện tích 34.016,0m², địa chỉ: thôn L, xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ phát hành BĐ 576499;

+ Thửa đất số 09, tờ bản đồ K4, diện tích 6.200,0m², địa chỉ: xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành S 783136, ngày 26/12/2007;

+ Thửa số 199, tờ bản đồ 01, diện tích 3.000m² tại địa chỉ xã V1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành K 158063;

Vì tổng diện tích 03 thửa đất nêu trên cũng không vượt quá 4,4ha trong hạn mức còn lại của ông T1 theo Văn bản số 243/CNVPĐK ngày 18/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q và nhận định của Bản án sơ thẩm.

[3.2]. Như vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, Bản án sơ thẩm đều xác định hạn mức đất rừng còn lại của ông T1 còn 4,4ha (chưa tính

phần diện tích đất trống, đồi núi trọc) nhưng lại cho rằng không xác định được vị trí, thửa đất cụ thể để không chấp nhận đăng ký biến động cho ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A là không đúng quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Sau khi xét xử sơ thẩm, Người khởi kiện kháng cáo yêu cầu được xem xét lại các Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A, Hủy Văn bản số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020 của UBND huyện Q về việc “xử lý những trường hợp thực hiện chuyển quyền đối với đất nông nghiệp đã giao trước đây có phần diện tích vượt hạn mức”; Buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

[4]. Án phí hành chính:

[4.1]. Án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Người Khởi kiện nên UBND huyện Q và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Quảng Bình phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[4.2]. Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Áp dụng: Điều 70 Luật đất năm 2003; Điều 129, Điều 188, khoản 8 Điều 210 Luật đất năm 2013:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khánh T, bà Ngô Thị Quỳnh A:

+ Hủy Văn bản số 713/UBND-TNMT ngày 17/8/2020 của UBND huyện Q về việc “xử lý những trường hợp thực hiện chuyển quyền đối với đất nông nghiệp đã giao trước đây có phần diện tích vượt hạn mức”;

+ Buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A.

2. Án phí hành chính:

[2.1]. Án phí hành chính sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy Ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Quảng Bình mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[2.2]. Án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm mà ông Lê Khánh T và bà Ngô Thị Quỳnh A đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005508 ngày 06/7/2023 và số 0005606 ngày 19/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến